TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HS-PT
Ngày 17-2-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 879/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn L và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. *Họ và tên:* **Lê Văn C** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1980 tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Lê Quang Đ - sinh năm 1958, mẹ Nguyễn Thị L1 - sinh năm 1957; Vợ: Đặng Thị Đ1 sinh năm 1986 (là bị cáo trong vụ án). Con: 02 người; Tiền án: Không; Tiền sự: Không .

- Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/HS-ST ngày 18/01/2006, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt C 24 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Chấp

hành xong hình phạt tù ngày 25/8/2007. C đã nộp án phí 50.000 đồng ngày 06/3/2006.

- Bị cáo Lê Văn C bị tạm giữ ngày 31/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 09/9/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C (bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Văn C*: Bà Trần Thị Tuyết V - Luật sư, công tác tại Văn phòng L5 – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

2. *Họ và tên:* **Lê Chí L2** (Tên gọi khác: Không) sinh ngày 01/01/1983 tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Lê Quang Đ - sinh năm 1958; mẹ Nguyễn Thị L1 - sinh năm 1957; Vợ: Nguyễn Thị N sinh năm 1989 (là bị cáo trong vụ án). Con: 02 người; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo Lê Chí L2 bị tạm giữ ngày 31/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 09/9/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo* Lê Chí L2: Ông Nguyễn Văn N1, Luật sư công tác tại Văn phòng L6 – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

3. *Họ và tên:* **Lê Minh H** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 19/5/1988 tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Lê Minh P - sinh năm 1956; mẹ Trương Thị T - sinh năm 1966; Vợ: Võ Thị B sinh năm 1999. Con: 02 người; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

- Bị cáo Lê Minh H bị tạm giữ ngày 31/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 09/9/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C (bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo* Lê Minh H: Ông Tôn Quách T1, công tác tại Công ty L7 – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

4. *Họ và tên:* **Đặng Thị Đ1** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1986 tại Cà Mau; Nơi thường trú: Khóm G, thị trấn sông Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện tại: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Đặng Văn T2 - sinh năm 1955; mẹ Trương Thị C1 - sinh năm 1956; Chồng: Lê Văn C sinh năm 1980 (là bị cáo trong vụ án). Con: 02 người; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

- Bị cáo Đặng Thị Đ1 bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

5. *Họ và tên:* **Nguyễn Thị N** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1989 tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Văn H1 - sinh năm 1968; mẹ Hồ Thị T3 - sinh năm 1969; Chồng: Lê Chí L2 sinh năm 1983 (là bị cáo trong vụ án). Con: 02 người; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

- Bị cáo Nguyễn Thị N bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ tại xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

6. *Họ và tên:* **Nguyễn Thùy L3** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1986 tại Cà Mau; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện tại: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Nguyễn Hữu T4 - sinh năm 1967 (đã chết); mẹ Hồ Tuyết N2 - sinh năm 1970; Chồng: Nguyễn Văn L sinh năm 1975 (là bị cáo trong vụ án, không có đăng ký kết hôn). Con: 02 người; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

- Bị cáo Nguyễn Thùy L3 bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cà M và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 19/5/2023, bị cáo L đến nhà bị cáo C chơi và bàn bạc dùng vỏ máy của bị cáo C để đi trộm cắp tài sản thì bị cáo C đồng ý. L rủ thêm bị cáo G; C rủ thêm bị cáo Lê Chí L2, bị cáo H1 cùng nhau trộm tại tiệm V2 (do ông Phạm Minh Đ2 làm chủ). Châu chuẩn bị vỏ máy, 02 cục bả chó, 02 thanh sắt dạng xà beng, 01 đoạn cây tre có đầu móc bằng kim loại, 01 cái giỏ đựng 01 cây kiềm bấm và 01 tua vít.

Khoảng 07 giờ ngày 20/5/2023, L chạy xe Nouvo 69P1-2961 chở G đến gần cây xăng T13 (ấp T, xã P, huyện T) để chờ C đến rước.

Khoảng 08 giờ ngày 20/5/2023, L2 đến nhà C điều khiển vỏ máy của C chở C đến nhà rước H1, sau đó đến cây xăng T13 rước L và G. Trên đường đi, H1 có thay Chí L2 điều khiển vỏ máy.

Đến khoảng 10 giờ ngày 20/5/2023, cả nhóm đến nhà G ở ấp Đ để chờ đến tối đi trộm cắp tài sản. C mang theo 01 đèn pin đội đầu, 01 điện thoại Oppo màu đen vàng. H1 mang theo 01 cây đèn pin, đeo 01 đôi găng tay bằng vải, 01 phích nước và 01 điện thoại di động hiệu Realme.

Đến khoảng 22 giờ ngày 20/5/2023, G chở cả nhóm về hướng tiệm V2, cách tiệm vàng khoảng 200m thì dừng. L2 ở lại giữ vỏ máy, C đưa đèn pin đội đầu và 01 điện thoại Oppo cho L2 giữ. 04 bị cáo còn lại mang theo các vật dụng đã chuẩn bị đi theo đường ruộng vào phía sau tiệm V2. L2 bơi vỏ máy khỏi vị trí ban đầu khoảng 200m để đậu lại chờ.

Đến khoảng 23 giờ ngày 20/5/2023, cả nhóm đến hàng rào lưới B40 phía sau tiệm V2.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 21/5/2023: C mang theo 01 tua vít, G mang theo 01 đèn pin trèo qua hàng rào. C dùng tua vít cạy bung tấm tol phía trên cửa, cạy chốt khóa cửa để mở cửa thứ nhất. C, G đi vào trong thì phát hiện thêm một cánh cửa bằng tol thứ hai, được khóa trái bên trong. Trên đường đi, C bắt 01 con gà đưa cho Hoàng trói lại. C lấy 02 cục bả ném vào phía nhà trước để thuốc con chó lớn. Giới bắt con chó nhỏ (bị nhốt trong lồng lưới sắt) vứt xuống ao. Lơ và H1 đứng ngoài hàng rào cảnh giới. C và G dùng tua vít để mở 09 con ốc vít đuôi cá để mở cánh cửa thứ hai. C và G quay ngược về phía hàng rào, cùng H1 dùng kiềm bấm cắt 02 đoạn lưới B40, lùa lưới rộng ra để thuận tiện cho việc chạy thoát. Lơ mang theo 01 cây móc, H1 lấy thêm 02 cây xà beng *(*của ông Đ2 để ở trên lồng sắt), cùng với G đi đến cửa nhà trước.

Khi đến hàng ba, H1 lấy 02 cái võng màu đỏ cũ trong tiệm vàng che camera trên trụ cột hàng rào; lấy 01 cái quần vải cũ che camera trên trụ cột mái che phía trước. Sau đó, H1 cùng G, C dùng xà beng cạy 04 ổ khóa cửa sắt, dạng cửa lùa hai bên. Lơ dùng xà beng cạy ổ khóa cửa kính phía trong, rồi ra phía trước cổng, ném bỏ ổ khóa đã cạy xuống sông C Bộ. Khi mở được cửa, H1 vào bên trong dùng 01 thảm lau chân màu đỏ và 01 cái khăn cũ ngay hành lang tiệm vàng để che 02 camera phía bên trong. Sau đó, các bị cáo vào trong tiệm vàng, mở cửa tủ kính lấy vàng bỏ vào túi nilon có sẵn ở trong tủ kính. Khi túi đầy: H1 đem túi vàng để ngoài hành lang. L đi ra bên hông nhà lấy 01 cái bao để tiếp tục

lấy vàng bỏ vào bao. C, L và H1 nhìn thấy cách tủ kính trưng bày 74cm có 01 két sắt nên dùng xà beng phá két sắt, còn G tiếp tục lấy vàng bỏ vào bao. Khi phá được két sắt, L và H1 lấy tiền và vàng trong két sắt bỏ vào bao. C lấy một cái balo màu đen để trên tủ bên cạnh.

Nghe tiếng động, bà Huỳnh Ngọc Đ3 (mẹ bị hại Đức) truy hô lên, nên các bị cáo ôm vàng và tiền đã trộm được tẩu thoát. H1 vứt 02 cây xà beng xuống ao phía sau tiệm vàng. Riêng con gà các bị cáo bỏ lại hiện trường. Các bị cáo tiếp tục chạy đến vị trí đậu vỏ máy ban đầu, H1 vứt bỏ 01 phích nước xuống sông... C dùng điện thoại của G gọi cho L2 (loại điện thoại Oppo của C đưa cho L2).

L2 chạy đến rước các bị cáo về hướng xã K. Chạy được một đoạn, G thay L2 điều khiển vỏ máy. Trên đoạn đường đi, khi đến đoạn khúc sông vắng, các bị cáo dừng lại, đổ vàng và tiền từ trong bao và túi nilon đựng vàng ra, bỏ hết vào balo của C rồi vứt bao và túi nilon xuống sông. Balô đựng vàng và tiền giao cho L2 cất giữ.

Khoảng 05 giờ ngày 21/5/2023, các bị cáo đến nhà ông Đồng Văn Y để gửi vỏ máy và đi bộ về đầu đường lộ xi măng. L gọi điện cho vợ là Nguyễn Thùy L3; C gọi điện cho vợ là Đặng Thị Đ1 kêu Đ1 chạy 01 xe và con là Lê Văn C2 đi mượn xe của H1 để đi cùng; L3 gọi cho vợ là Nguyễn Thị N kêu cùng đến đầu đường nhà Đồng Văn Y để rước cả nhóm về.

Khoảng 06 giờ ngày 21/5/2023, N chạy xe hiệu Sirius 69N1-586.41; Đào chạy xe hiệu Airblade 69N1-641.10; Nguyễn Thùy L3 chạy xe Airblade 69N1-639.18; C2 điều khiển xe Wave 69N1-030.72 đến. Lúc này, H1 chở G bằng xe 69N1-030.72. C chở Đ1 và C2 bằng xe 69N1-641.10. Lơ chở Thùy L3 bằng xe 69N1-639.18. L3 chở N và balo đựng tiền, vàng bằng xe 69N1-586.41 về nhà của L3.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 21/5/2023, các bị cáo đến nhà Chí L2 ở ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau còn C2 đi bộ về nhà ngủ. Chí L2 mang ba lô đựng tiền vàng vào phòng ngủ; sau đó cùng L, C, Chí L2, G và H1 vào trong phòng ngủ của Chí L2 để đếm tiền và vàng. Chí L2 có kêu Đ1, Thùy L3 và N vào đếm và phân loại vàng tiếp (lúc này cả 03 bị cáo mới biết vàng và tiền là do trộm cắp mà có). Chí L2 đi ra nhà sau lấy rổ nhựa, loại rổ mịn để mọi người cắt mạc gắn vào vàng, lấy phiếu cầm đồ và bọc bỏ ra ngoài rồi phân loại vàng (để thuận tiện cho việc xóa dấu vết tội phạm để đưa đi tiêu thụ). Việc phân loại vàng: 01 rổ đựng vàng 24K, 01 rổ đựng vàng 18K có hột, đá và 01 rổ đựng vàng 18K trơn.

Thùy L3 chạy về nhà lấy cân điện tử sang. Lơ và C cân tổng trọng lượng vàng khoảng sáu (06 kg) rồi đem túi nilon đựng vàng bỏ vào balo màu đen, giao cho Chí L2 cất giữ. Chí L2 đem balô vàng cất trên gác trong nhà Chí L2. Phần bọc và giấy của số vàng khách hàng cầm thì L2 mang đi đốt. H1 nói là phải nấu số vàng này lại thành vàng thỏi để chia nhau cho đều. Cả nhóm thống nhất là H1 sẽ đi ra thành phố C mua dụng cụ nấu vàng (do H1 trước đây là thợ bạc).

Tiền mặt Lơ đếm được 166.000.000 đồng rồi chia đều cho G, L, C, Chí L2 và H1, mỗi bị cáo được 32.000.000 đồng. Riêng H1 được chia thêm 6.000.000 đồng để mua dụng cụ nấu vàng.

Khoảng 14 giờ ngày 21/5/2023, H1 chạy xe máy 69N1-030.72 chở G đi mua dụng cụ nấu vàng tại tiệm bạc Ngọc T5 do bà Nguyễn Thị T6 sinh năm 1954, trú A, L, khóm B, phường B, TP . làm chủ gồm: 05 khuôn đúc vàng, 01 dụng cụ khò bằng điện, 01 kéo cắt vàng, 01 kiềm kẹp khuôn, axit, hàng the, đá nấu, mô tưa, ống vọt, tổng số tiền khoảng 4.200.000 đồng. Sau đó, mang về giao cho L2 cất giữ.

Khoảng 11 giờ ngày 23/5/2023, C điều khiển ghe biển của C số hiệu 69CM -01391 chở L ra biển sông Đ, cách bờ khoảng 300m. C điện thoại kêu Chí L2 hẹn địa điểm để nấu vàng. Chí L2 lấy vỏ máy của Chí L2 chở vàng và dụng cụ nấu vàng ra. Khi Chí L2 lên ghe biển của C, thì L lấy vỏ máy của Chí L2 đi rước H1 và G. Các bị cáo lên ghe của C để nấu, còn vỏ máy thì cột phía sau ghe. H1 là người nấu còn những người còn lại cạy các hột trên trang sức. H1 có bỏ khoảng 01 lượng vàng 24K vào vàng 18K nhằm mục đích tăng tuổi vàng. Đến ngày 25/5/2023 thì nấu xong. Các bị cáo bỏ vàng vào trong bọc nilon đưa cho Chí L2 giữ rồi. H1 vứt dụng cụ khò và khuôn đúc vàng xuống biển. H1 giữ 01 mặt dây chuyền vàng 18K hình con cóc do H1 thấy đẹp nên giữ lại (các bị cáo còn lại không biết). Chí L2 chở H1 về bằng vỏ máy, các bị cáo còn lại đi trên ghe cùng C.

Khoảng 06 - 07 ngày sau, C, L, H1 đến nhà Chí L2 để cân, chia số vàng đã nấu thành thỏi. H1 mang theo một cây kéo cắt vàng để cắt số vàng thỏi, dùng cân điện tử (của Thùy L3 mang lại trước đó) để cân chia vàng. Khi chia thì mỗi người được 01 thỏi vàng 24K và từ 06 đến 07 thỏi vàng 18K. Cả nhóm thống nhất gói vào 05 gói giấy để bóc ngẫu nhiên. Phần của G do Lơ giữ dùm, G chưa nhận. Cây kéo cắt vàng thì H1 đã vứt xuống sông sau khi chia vàng xong.

Sau khi chia xong, số tiền thì C, L và Chí L2 đưa cho Đ1, Thùy L3 và N cất giữ. Số vàng được chia Đ1, Thùy L3 và N đều biết. Riêng số vàng của G giao cho L cất giữ, vì khi chia không có mặt Giới.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐG ngày 23/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận số vàng các bị cáo được chia qua định giá như sau:

Tổng số vàng mà 05 bị cáo đã lấy trộm là **5.040.845.039** đồng, cụ thể như sau:

- Lê Văn C: 03 lượng vàng 24K, hàm lượng 98% và 22 lượng 05 chỉ 07 phân 02 ly vàng 18K (610). Qua định giá là 948.229.800 đồng.

- Nguyễn Văn L: 01 thỏi vàng 24K trọng lượng 3,1 lượng, hàm lượng 96%, 06 thỏi vàng 18K (túi niêm phong NS31919934) và 03 hạt vàng (túi niêm phong số NS31916702). Qua định giá là 1.014.757.317 đồng.

- Phạm Văn G: 06 thỏi kim loại màu vàng, 05 cục kim loại màu vàng, 01 hạt kim loại màu vàng (Túi niêm phong NS31919996). Qua định giá là 1.036.279.644 đồng.

- Lê Chí L2: 01 thỏi 24K trọng lượng 03 lượng, hàm lượng 98%; 01 thỏi 18K trọng lượng 9,8 chỉ, vàng 610; 06 thỏi 18K (túi niêm phong NS31919958). Qua định giá là 1.044.660.897 đồng.

- Lê Minh H: 01 mặt dây chuyền trọng lượng 0,0762 (07 phân 6 li); 01 thỏi vàng 24K, hàm lượng vàng 98%, trọng lượng 3,1 lượng; 04 thỏi vàng (túi niêm phong NS31919932) và 03 thỏi vàng 18K trọng lượng 10,8 lượng, vàng 610. Qua định giá là 996.917.381 đồng.

Tài sản trộm được các bị cáo đã sử dụng; bị tạm giữ qua khám xét khẩn cấp và các bị cáo giao nộp như sau:

Thứ nhất, đối với Lê Văn C và vợ là Đặng Thị Đ1:

**** Số tiền 32.000.000 đồng được chia:*** C dùng để trả tiền xăng dầu ở cây xăng H3 do bà Lý Cẩm G1 làm chủ hết 25.000.000 đồng, còn lại 7.000.000 đồng C và Đ1 sử dụng chi tiêu trong gia đình (bút lục 705-706).

**** C được chia 01 thỏi vàng 24K (98%) và 06 thỏi vàng 18K (610).*** C cất số vàng trên ở chuồng trăn (C có cho Đ1 biết).

- 01 thỏi vàng 24K Châu bán tại Tiệm vàng "Mười"(do ông Trần Văn M1

làm chủ), trọng lượng 03 lượng, vàng 98% được 153.120.000 đồng (51.040.000 đồng/ lượng).

+ Đào mua 01 lượng vàng 24K giá 53.080.000 đồng tại tiệm V3 (do ông Nguyễn Văn T7 và bà Huỳnh Thị D làm chủ) gồm 02 nhẫn, mỗi nhẫn 05 chỉ để trả cho mẹ của N là bà Hồ Thị T3 sinh năm 1969, trú ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Bà T3 không biết vàng trộm nên đã bán sử dụng (không thu hồi được) (bút lục 715-716).

+ Số tiền còn lại C và Đ1 dùng để bơm đất, sửa ghe hết 65.500.000 đồng (bút lục 1021-1025).

+ Đóng hụi cho bà Trương Hồng S 2.000.000 đồng (bút lục 703-704).

Còn lại cả hai đã tiêu xài hết.

- *06 thỏi vàng 18K:* Vào ngày 24/8/2023 C bán lại 06 thỏi vàng trên tại Tiệm vàng "Mười" được 22 lượng 05 chỉ 07 phân 02 ly (vàng 610) với số tiền là **735.847.000 đồng**.

Ông Trần Văn M1 (chủ tiệm) đã nấu lại 05 thỏi, còn 01 thỏi (giám định vàng 61,58%, bút lục 243, 246) đã giao nộp cho CQĐT vào ngày 30/8/2023 (túi niêm phong NS4 1916633), (Bút lục 440-441).

Sau khi bán 06 thỏi vàng trên, C mua lại 10 lượng 04 chỉ vàng 24K giá 575.120.000 đồng gồm 25 nhẫn trơn, còn lại tiền mặt 160.727.000 đồng. Số tiền và vàng này C đưa Đ1 cất giữ.

+ *Đối với 25 nhẫn trơn:* Đào bán 01 nhẫn (02 chỉ) để trả cho cha là Đặng Văn T2 (không thu hồi được do ông T2 đã bán để tiêu xài). Còn lại 24 chiếc có ký hiệu "Mười #98%" Đào đựng trong túi vải có ghi chữ Tiệm vàng Mười để trong bọc màu đen đựng trong hộp Tố Nữ Hoàng Sơn trên vách giường ngủ của bà Đ1 (bị tạm giữ qua khám xét khẩn cấp, túi niêm phong NS31919994) (bút lục 139-140).

Kết quả kiểm tra của Hội K2 thì 24 nhẫn trên là vàng 24K trọng lượng từ 02 chỉ 09 phân 09 li đến 01 lượng, hàm lượng vàng từ 97,91% đến 98,23%.

- *Đối với tiền mặt là 160.727.000 đồng, Đ1 mua lại:*

+ 20 chiếc vòng xi men có ký hiệu "KM 610" (trọng lượng 01 lượng 01 chỉ 08 phân 09 li, loại vàng 18K, hàm lượng vàng 60,69%); 01 sợi dây chuyền có ký hiệu "KM 610" (trọng lượng 04 chỉ 02 phân 03 li, hàm lượng vàng 61,13%) và 01 lắc tay (vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ 01 li, hàm lượng vàng

61,14%). Tổng giá trị 03 tài sản trên là 65.000.000 đồng mua tại tiệm V4 (do ông Trương Hữu T8 làm chủ) vào ngày 25/8/2023.

+ 20 chiếc vòng, 01 sợi dây chuyền thu giữ trong hộp nhựa màu đỏ có chữ vàng, bạc, đá quý được để trong bọc màu đen trong hộp Tố Nữ Hoàng Sơn trên vách giường ngủ của bà Đ1 qua khám xét khẩn cấp (túi niêm phong NS31919994) (bút lục 139-140).

+ 01 lắc tay do Lê Thị Bé M2 (con Đ1 và C) giao nộp vào ngày 30/8/2023 (túi niêm phong NS41916635) (bút lục 438-439, 717).

+ Đào mua 01 lượng vàng 24K giá 56.000.000 đồng tại tiệm V3 cũng gồm 02 nhẫn trơn, mỗi nhẫn 05 chỉ để tiếp tục trả cho mẹ N là bà Hồ Thị Tuyết . Bà T3 không biết vàng trộm nên đã bán sử dụng (không thu hồi được) (bút lục 715-716).

+ Đào trả cho N 26.000.000 đồng.

- Còn lại Đ1 và C sử dụng tiêu xài cá nhân. Khi khám xét khẩn cấp chỉ còn lại số tiền 10.240.000 đồng Đào để trong túi màu đen treo trên vách tường (Bút lục 139-140).

Tạm giữ vàng tại nhà C – Đào không liên quan đến hành vi phạm tội bao gồm:

- *01 lắc tay vàng 18K:* Trọng lượng 02 chỉ 06 phân 07 li, hàm lượng vàng 61,03%, tại móc khóa có ký hiệu "K. BA 610" *(*tạm giữ khi khám xét khẩn cấp, túi niêm phong NS31919994). Lắc này vợ chồng Đ1 mua cho Lê Văn C2 vào năm 2019 (bút lục 139-140).

- *01 sợi dây chuyền:* Vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ 04 phân 02 li, hàm lượng vàng 65,12%. Dây chuyền này do Lê Thị Bé M2 giao nộp vào ngày 30/8/2023. Sợi dây chuyền do Đ1 đổi chiếc kiềng cũ, không có bù tiền vào tháng 5/2023.

(Sợi dây chuyền và lắc tay trong túi niêm phong NS41916635); (Bút lục 438-439, 717).

- 8.000.000 đồng trong chai thủy tinh đựng trong hộp Tố Nữ Hoàng Sơn trên vách giường ngủ của bà Đ1 là tiền Đ1 để dành mua xe cho con nhưng chưa mua (bị tạm giữ qua khám xét khẩn cấp).

- Thu giữ trong tủ nhựa đựng đồ trang điểm kế bên giường ngủ của bà Đ1 01 tờ giấy mặt sau ghi: 22'572 x 3260 = 735847; 10'400 x 5530 = 575.120;

160.727. Mặt trước có tên chủ doanh nghiệp Trần Văn M1 và số điện thoại 0888.699.567. Tờ giấy này tiệm vàng Mười đưa khi C bán 06 thỏi vàng 18K (lưu hồ sơ vụ án), (Bút lục 139-140).

Thứ hai, đối với Nguyễn Văn L và vợ là Nguyễn Thùy L3:

**** Số tiền 32.000.000 đồng được chia:*** Lơ đưa giao cho Thùy L3 giữ. Cả hai bị cáo dùng để trả tiền xăng dầu cho bà Lý Cẩm G1 (chủ cây xăng H3) 30.000.000 đồng. Còn lại 2.000.000 đồng cả hai sử dụng chi tiêu trong gia đình (bút lục 705-706).

**** Lơ được chia 01 thỏi vàng 24K (96%), 06 thỏi 18K và 03 hạt kim loại màu vàng. Số vàng này L có cho L3 xem.*** Trong đó:

- 01 thỏi vàng 24K: Vào ngày 05/8/2023, L và L3 đem bán ở tiệm V5 - Bạc Liêu (do ông Trần Minh Q làm chủ), trọng lượng 3,1 lượng giá 153.000.000 đồng.

+ L và L3 sử dụng 74.500.000 đồng chuộc vàng tại các tiệm vàng:

+ Lơ chuộc 01 lượng vàng tại tiệm V4 với số tiền 50.000.000 đồng (01 lượng vàng này Lơ mượn của N).

+ L3 chuộc 04 chỉ vàng với số tiền 20.000.000 đồng tại tiệm V6 (do bà Nguyễn Mộng T9 làm chủ, 04 chỉ vàng này L3 mượn của cha ruột là ông Nguyễn Hữu T4).

+ Lơ chuộc 01 chỉ vàng tại tiệm V7 (do bà Lê Thảo V1 làm chủ) số tiền 4.500.000 đồng (01 chỉ vàng này Lơ mượn của N).

+ Cả hai tiêu xài khoảng 22.500.000 đồng. Còn lại 56.000.000 đồng để trong két sắt đã bị tạm giữ khi khám xét khẩn cấp (280 tờ mệnh giá 200.000 đồng).

- 06 thỏi vàng 18K và 03 hạt vàng đã bị tạm giữ. Lơ cất giấu trong cánh cửa bằng khung nhôm trắng (06 thỏi 18K trong túi niêm phong NS3-1919934; 03 hạt vàng trong túi niêm phong số NS4-1916702).

Qua kiểm tra của Hội K2 thì đều là vàng 18K:

+ 06 thỏi vàng có trọng lượng từ 03 lượng 02 chỉ 06 phân 08 li đến 04 lượng 07 phân 07 li, hàm lượng vàng từ 33,34% đến 69,90%.

+ 03 hạt vàng từ 03 phân 05 li đến 08 phân 06 li, hàm lượng vàng từ 60,34% đến 60,88% (Bút lục 135-136, 443-444).

Thứ ba, đối với Phạm Văn G:

**** Số tiền 32.000.000 đồng được chia:*** Giới cho Lơ mượn 20.000.000 đồng (Lơ khai nhận phù hợp, L chưa trả), còn lại 12.000.000 đồng Giới dùng tiêu xài cá nhân (bút lục 545-547).

**** Giới được chia là 06 thỏi vàng 18K, 05 cục vàng 24K và 01 hạt vàng 24K. Số vàng này do Lơ giữ, chưa đưa lại cho G (qua khám xét khẩn cấp đã tạm giữ toàn bộ):***

Số vàng này Lơ chôn trong khối xi măng trên nền gạch trong nhà vệ sinh. Lơ đập khối xi măng thì phát hiện 01 bọc nilon quấn băng keo màu vàng, bên trong có quấn bọc nilon màu trắng và màu xanh lá, bên trong buộc dây thun có 04 tờ giấy, gỡ 04 tờ giấy ra thì bên trong có:

- 06 thỏi kim loại màu vàng. Qua kiểm tra đều là vàng 18K, trọng lượng từ 03 lượng 02 chỉ 02 phân 04 li đến 05 lượng 05 chỉ 02 phân 01 li, hàm lượng vàng từ 49,85% đến 63,88%.

- 05 cục kim loại màu vàng. Qua kiểm tra đều là vàng 24K, trọng lượng từ 05 phân 09 li đến 01 lượng 05 chỉ 06 phân 02 li, hàm lượng từ 96,29% đến 98,30%.

- 01 hạt kim loại màu vàng. Qua kiểm tra là vàng 24K, 02 li, hàm lượng 97,25%. (Túi niêm phong NS31919996).

Thứ tư, đối với Lê Chí L2 và vợ là Nguyễn Thị N:

**** Số tiền 32.000.000 đồng được chia***: Chí L2 đưa cho N cất giữ. Cả hai sử dụng để sửa chữa ghe hết 26.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng tiêu xài trong gia đình.

**** Chí L2 được chia 01 thỏi 24K, 07 thỏi 18K.*** Số vàng này Chí L2 bỏ vào 01 cái keo, chôn ở chuồng gà sau nhà và có chỉ cho N biết. Trong đó:

- *01 thỏi 24K Chí Linh nhờ C đem bán.* C bán ở tiệm vàng "Mười". Trọng lượng 03 lượng, hàm lượng vàng 98%, mỗi lượng 51.060.000 đồng. Tổng cộng 153.180.000 đồng. C mua lại 03 nhẫn trơn, mỗi nhẫn 05 chỉ, tổng là 79.620.000 đồng. Còn lại 73.560.000 đồng. C đưa lại cho Chí L2. Chí L2 đưa cho N giữ 03 nhẫn và số tiền trên.

+ N đem 01 nhẫn 05 chỉ đến Tiệm vàng "Mười" để bán 03 chỉ được khoảng 16.000.000 đồng (01 chỉ khoảng 5.300.000 đồng), đổi lại chiếc nhẫn 02 chỉ.

+ N lấy 02 nhẫn, mỗi nhẫn 05 chỉ còn lại thêm 01 nhẫn 01 chỉ của N, tổng là 1,1 lượng cho Lơ mượn. Lơ đã trả. Chiếc nhẫn 01 chỉ lẻ N đã bán sử dụng.

Hiện N đã giao nộp 03 nhẫn vào ngày 01/9/2023 (bút lục 427, 429) (túi niêm phong số NS41958943). Kết quả kiểm tra của Hội K2 thì 03 (ba) nhẫn trên đều là vàng 24K (01 nhẫn 02 chỉ 98,16%, 01 nhẫn 05 chỉ, hàm lượng vàng 98% và 01 nhẫn 05 chỉ, hàm lượng vàng 98,24%).

Còn lại số tiền 89.560.000 đồng (bao gồm 73.560.000 đồng và 16.000.000 đồng) N và Chí L2 đã sử dụng như sau:

Sửa ghe hết 20.000.000 đồng và sửa nhà hết 20.000.000 đồng (bút lục 1016-1020).

Cho Lê Chí T10 mượn 10.000.000 đồng (T10 đã trả) (bút lục 720-721).

Đóng tiền hụi cho Trương Hồng S 1.000.000 đồng (bút lục 703-704).

Trả tiền xăng dầu cho bà Lý Cẩm G1 (cây xăng H3) 7.000.000 đồng (bút lục 705-706).

Bơm nền nhà 5.000.000 đồng.

Còn lại 26.560.000 đồng cả hai đã tiêu xài hết.

- *Chí L2 chở N đem bán 01 thỏi vàng 18K ở tiệm vàng "Mười":* Trọng lượng 9,8 chỉ giá 31.000.000 đồng. N cho Đ1 mượn 26.000.000 đồng (Đ1 đã trả). Cả hai tiêu xài hết 11.400.000 đồng, còn lại 19.600.000 đồng đồng (39 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 100.00 đồng), N đã giao nộp cơ quan điều tra vào ngày 29/8/2023 (bút lục 431).

- *06 thỏi vàng 18K còn lại.* Khi Chí L2 đi đầu thú vào ngày 31/8/2023, cơ quan điều tra làm việc thì N đã xác định vị trí chôn 06 thỏi vàng trên là giấu trong keo nhựa chôn xuống đất ở chòi lá sau nhà (Túi niêm phong NS31919958).

Kết quả kiểm tra của Hội K2 thì 06 thỏi vàng trên đều là vàng 18K, trọng lượng từ 03 lượng 03 chỉ 03 phân 05 li đến 05 lượng 02 phân 06 li, hàm lượng từ 60,81% đến 63,62% (bút lục 432-433).

Thứ năm, đối với Lê Minh H:

**** Số tiền 6.000.000 đồng được chia***: H mua dụng cụ nấu vàng hết 4.200.000 đồng, còn 1.800.000 đồng H dùng mua đồ ăn, bia để trên ghe khi khò vàng.

**** Số tiền 32.000.000 đồng được chia***: H sử dụng làm bờ kè, nâng nền nhà và tiêu xài cá nhân (bút lục 1026-1030).

**** Đối với 01 thỏi vàng 24K (98%), 07 thỏi vàng 18K và 01 mặt dây chuyền hình con ếch.*** Trong đó:

- 01 thỏi vàng 24K H đem bán ở Tiệm V8 ở Sông Đ (do ông Trần Văn K làm chủ): Trọng lượng 3,1 lượng giá 160.000.000 đồng.

H cho mẹ vợ là Võ Thị Đồng mượn hết 106.000.000 đồng. H dùng làm nền nhà hết 12.000.000 đồng và khám bệnh cho con là cháu Lê Mộng T11 hết 15.000.000 đồng, đóng hụi cho Trương Hồng S 20.000.000 đồng. Còn lại 7.000.000 đồng đã tiêu xài cá nhân hết (bút lục 703-704, 1026-1030).

Ngày 19/9/2023, bà Đ4 đã nộp 106.000.000 đồng. Khi đưa, H nói đây là tiền Hoàng hốt hụi và đi ghe biển có được. Sau khi H bị bắt, bà Đ mới biết đây là tiền do trộm cắp mà có nên bà giao nộp (bút lục 442, 707-708).

- 04 thỏi vàng 18K đã bị tạm giữ khi cho H xác định vị trí và truy tìm đồ vật, tài sản vào ngày 30/8/2023. Số vàng này Hoàng giấu trong chai nhựa hình khối chữ nhật cao 16cm, đường kính miệng 6cm, chôn dưới đất độ sâu 18cm. Mở nắp chai phát hiện bên trong có 01 gói được quấn lại bằng vỏ gói trà "NGỌC TRANG" màu xanh cột dây thun, bên trong có 01 gói quấn bằng 02 miếng vải màu đen bên trong là 04 thỏi vàng (Túi niêm phong NS31919932 đánh số từ 01-04).

Qua kiểm tra thì 04 thỏi vàng này đều là vàng 18K, trọng lượng từ 01 lượng 08 chỉ 06 li đến 04 lượng 03 chỉ 06 phân 04 li, hàm lượng vàng từ 58,66% đến 61,83% (bút lục 436-437).

- 01 mặt dây chuyền hình con ếch: Vàng 18K trọng lượng 07 phân 6 li, hàm lượng vàng 59,94% (tạm giữ qua khám xét khẩn cấp).

- 03 thỏi còn lại H đưa cho Võ Thị B.

Bền đem bán 03 thỏi vàng ở tiệm V8 được 324.000.000 đồng/10,8 lượng (vàng 610). Bền đã mua lại 02 sợi dây chuyền, 01 nhẫn với tổng số tiền là 66.000.000 đồng. Còn lại 258.000.000 đồng đưa cho H cất giữ.

+ 01 sợi dây chuyền dạng xoắn: Vàng 18K trọng lượng 05 chỉ 01 phân 04 li, hàm lượng 61,88%. Bền đã giao nộp vào ngày 01/9/2023 (túi niêm phong NS3 2110048). Sợi dây chuyền B mua để tặng mẹ là bà Lê Thị Đ5 (bút lục 428, 430).

+ 01 nhẫn 18K, trọng lượng 01 chỉ 2 phân 9 li, hàm lượng vàng 61,16%, có đính hột vuông (đã tạm giữ khi khám xét khẩn cấp).

+ 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 01 lượng 01 chỉ 02 phân 06 li, hàm lượng vàng 60,97%, có mạc D1, B, khóm G, thị trấn S (đã bị tạm giữ khi khám xét khẩn cấp), (Bút lục 137-138).

** Đối với 258.000.000 đồng:* H đem gửi vào tài khoản ngân hàng P1 hết 250.000.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, H có rút từ ngân hàng ra khoảng 15 triệu đồng, nên trong tài khoản còn khoảng hơn 235.000.000 đồng. Ngày 19/9/2023, H giao nộp toàn bộ số tiền còn lại là 235.861.000 đồng (bút lục 399, 428, 497-501).

** Ngoài ra, qua khám xét khẩn cấp tại nhà Võ Thị B vào ngày 29/8/2023 còn thu giữ số vàng này là tài sản cá nhân của B, H mua trước khi H đem ba thỏi vàng về đưa cho B (Bút lục 137-138).*

- 01 lắc vàng 18K có chữ "99R610 TR", trọng lượng 07 chỉ 02 phân 7 li, hàm lượng vàng 61,39%.

- 01 nhẫn vàng 24K có chữ "KHSĐ 980", trọng lượng 05 chỉ, hàm lượng vàng 98,30%.

- 01 mặt dây chuyền vàng 18K hình bông hoa, trọng lượng 01 chỉ 6 phân 3 li, hàm lượng vàng 61,74%.

- 01 đôi bông tai vàng 18K hình ngôi sao, trọng lượng 09 phân 06 li, hàm lượng vàng 62,10%.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

- Đối với vàng bị mất: Ông Đ2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền, vàng bị mất, và ông Đ2 còn yêu cầu các khoản sau:

+ Tiền công làm vàng: 284.750.000 đồng.

+ Bồi thường số đá, cẩm thạnh được dính trên các trang sức: 32.000.000 đồng.

+ Bồi thường số vàng hao hụt khi nấu thành thỏi: 226.397.200 đồng.

+ Bồi thường tiền bù vàng khi đổi từ vàng thỏi sang vàng trang sức để mua bán: 402.975.768 đồng.

+ Bồi thường thiệt hại trong thời gian ngưng hoạt động của tiệm vàng số tiền: 605.000.000 đồng. Thu thập mỗi tháng khoảng 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, lấy trung bình cho 06 tháng ngưng hoạt động.

+ Tổn thất về sức khỏe, tinh thần: 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường 1.751.122.968 đồng. Các khoản này không có hóa đơn, chứng từ kèm theo. Các khoản tiền công, đá được tính theo số vàng được bán. Số vàng hao hụt khi nấu hoặc đổi từ vàng nấu sang thành phẩm do kinh nghiệm nhiều năm nên biết.

Các tài sản như: Cái balo, con chó bị chết, các óc vít, ổ khóa, tol, hàng rào B40: Không yêu cầu. Két sắt bị hư do xà beng cạy ông Đ2 yêu cầu tiền sửa chữa là 1.000.000 đồng.

Tại Cáo Trạng số: 56 /CT-VKS-P1 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Văn L, Lê Văn C, Lê Minh H, Lê Chí L2 và Phạm Văn G, về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Đặng Thị Đ1, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thùy L3, về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn C, Lê Chí L2, Lê Minh H.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn C, Lê Chí L2, Lê Minh H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn C 13 (mười ba) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày 31/8/2023.

Xử phạt: Bị cáo Lê Chí L2 12 (mười hai) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày 31/8/2023.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh H 12 (mười hai) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày 31/8/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1

Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Thị Đ1.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 323; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Thùy L3.

Tuyên bố: Bị các bị cáo Đặng Thị Đ1, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thùy L3 phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Đ1 09 (Chín) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày vào chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thùy L3 09 (Chín) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày vào chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 08 (T6) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày vào chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Văn G ; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/8/2024, bị cáo Lê Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do bị cáo và vợ bị cáo là Đặng Thị Đ1 đều là lao động chính trong gia đình, phải nuôi con nhỏ, mẹ già và cha mẹ vợ đã lớn tuổi, có nhiều bệnh nền. Hiện tại bị cáo đang bị tạm giam còn vợ bị cáo cũng sắp phải chấp hành án phạt tù để lại cha mẹ già hai bên không có ai chăm sóc.

Về phần tiền khắc phục cho bị hại, mong Tòa cho tách ra vì gộp chung cả hai vợ chồng là không có khả năng.

- Ngày 29/8/2024, bị cáo Lê Minh H kháng cáo xin xét thêm các tình tiết giảm nhẹ để xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cụ thể: Bị cáo đã khắc phục hoàn toàn hậu quả, được bị hại (ông Phạm Minh Đ2) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, có cha mẹ già quá tuổi lao động, hai con còn nhỏ (con lớn 06 tuổi, con nhỏ 02 tuổi).

- Ngày 28/8/2024, bị cáo Lê Chí L2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, lý do: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo mức án quá nặng; bị cáo đã chủ động đầu thú và khắc phục toàn bộ hậu quả mà trách nhiệm của bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ bị cáo cũng bị xử lý hình sự trong vụ án này hai con còn nhỏ không ai nuôi dưỡng; bị cáo lần đầu phạm tội do bị lôi kéo, chưa có tiền án,

tiền sự, có nhân thân tốt; bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình mong muốn được sửa chữa, chuộc lỗi.

- Ngày 29/8/2024, bị cáo Đặng Thị Đ1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 09 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, chồng của bị cáo cũng phạm tội trong vụ án này. Bị cáo và chồng bị cáo đều là lao động chính trong nhà có hai con và cha mẹ già.

- Ngày 30/8/2024, bị cáo Nguyễn Thùy L3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, lý do: Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là quá nghiêm khắc; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình; đã khắc phục số tiền 4.000.000đ(bốn triệu đồng), tại phiên tòa bị cáo xin bị hại khắc phục thêm số tiền số tiền 30.000.000 đồng nhưng bị hại không nhận. Nay xin nộp thêm số tiền 200.000.000 đồng, nếu chưa đủ sẽ bán thêm chiếc xe Nouvo màu đỏ 69P1-2961 và xe Airblade màu đen 69 N1-639.18 để khắc phục hậu quả cho bị hại. Hiện chồng bị cáo là Nguyễn Văn L cũng đang bị xử lý hình sự trong vụ án này, người con sau chưa đủ tuổi trưởng thành (sinh năm 2012).

- Ngày 29/8/2024, bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc hai con chưa thành niên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo có kháng cáo trình bày vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu kháng cáo nêu trên.

- Bị cáo Lê Văn C và vợ là bị cáo Đặng Thị Đ1 trình bày bổ sung: Các bị cáo đã khắc phục xong số tiền 145.746.620 đồng cho ông Trần Văn M1 và được ông M1 có đơn ngày 21/01/2025 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thùy L3 trình bày bổ sung: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo và gia đình đã thi hành xong toàn bộ số tiền thiệt hại cho bị hại theo bản án sơ thẩm, có xác nhận của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo Nguyễn Thị N trình bày bổ sung: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã khắc phục cho bị hại – ông Phạm Minh Đ2 số tiền 6.664.954 đồng trên số tiền phải thi hành 108.664.954 đồng.

Ông Phan Hoàng B1 đại diện theo ủy quyền của bị hại – ông Phạm Minh Đ2 trình bày: Bị cáo Nguyễn Thùy L3 và chồng là bị cáo Nguyễn Văn L đã khắc

phục xong thiệt hại cho ông Đ2; bị cáo H, tuy chưa khắc phục hết thiệt hại cho ông theo bản án sơ thẩm đã quyết định nhưng có thiện chí nên ông đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thùy L3 và bị cáo Lê Minh H.

Tại phần tranh luận:

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:* Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và lời khai thừa nhận của các bị cáo có cơ sở xác định: Các bị cáo Lê Văn C, Lê Minh H, Lê Chí L2 đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đặng Thị Đ1, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thùy L3 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với từng bị cáo và đã tuyên phạt bị cáo: Lê Văn C 13 năm tù; bị cáo Lê Minh H 12 năm tù; bị cáo Lê Chí L2 12 năm tù; bị cáo Đặng Thị Đ1 09 năm tù; bị cáo Nguyễn Thùy L3 09 năm tù; bị cáo Nguyễn Thị N 08 năm tù là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo có cung cấp thêm tình tiết khắc phục thêm thiệt hại nhưng các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn C – Luật sư Trần Tuyết V tranh luận:* Tôi cũng thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, mức hình phạt đối với bị cáo Lê Văn C là cao. Lý do, bị cáo C không phải người khởi xướng mà bị bị cáo L rủ rê, do hoàn cảnh khó khăn, bức bách không kiềm chế được bản thân nên đã phạm tội. Bị cáo C đã cố gắng khắc phục thiệt hại, dù chỉ 4.000.000 đồng nhưng cũng thể hiện thiện chí và sự cố gắng khắc phục. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng, khắc phục thiệt hại cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 xử bị cáo C dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Lê Văn C trình bày: Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của Luật sư, bị cáo không trình bày bổ sung ý kiến gì thêm.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Chí L2 – Luật sư Nguyễn Văn N1 tranh luận:* Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Lê Chí L2 12 năm tù là nghiêm khắc so với hành vi phạm tội của bị cáo. Nguyên nhân do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đã nảy sinh hành vi sai phạm. Bị cáo L2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã đầu thú trước cơ quan Công an để mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật; vai trò của bị cáo L2 chỉ là giúp sức cho các bị cáo khác, bản thân bị cáo không trực tiếp lấy tài sản của các bị hại; phía bị hại cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L2. Bên cạnh đó, gia đình bị cáo cũng như bản thân của bị cáo từ trước đến nay chưa có ai từng có tiền án tiền sự; ông bà ngoại bị cáo cũng là người tham gia cách mạng; hiện nay bản thân bị cáo sắp tới phải đi chấp hành án cùng với vợ thì hoàn cảnh càng bế tắc hơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Chí L2.

Bị cáo Lê Chí L2 trình bày: Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của Luật sư, bị cáo không có ý kiến gì thêm.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh H – Luật sư Tôn Quách T1 trình bày tranh luận:* Tòa án sơ cấp thẩm tuyên phạt bị cáo H mức án 12 năm tù là quá cao. Bị cáo H là lao động chính trong gia đình, bị cáo còn phải nuôi 02 con nhỏ, cha mẹ già quá tuổi lao động, không ai chăm sóc. Bị cáo H phạm tội do bị rủ rê. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị hại cũng đã có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình, chăm lo cho cha mẹ và con nhỏ.

Bị cáo Lê Minh H trình bày: Bị cáo thống nhất như lời bào chữa của Luật sư, bị cáo không có ý kiến gì khác.

Bị cáo Nguyễn Thùy L3, bị cáo Nguyễn Thị N và bị cáo Đặng Thị Đ1 không có ý kiến tranh luận.

- *Đại diện Viện kiểm sát đối đáp*: Các tình tiết giảm nhẹ như các luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày nêu trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá đầy đủ. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm phạm tội của các bị cáo, đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Lê Văn C nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc bị cáo làm là sai, vợ bị cáo cũng là nghe lời chồng nên mới xảy ra tình cảnh như hôm nay. Gia đình

bị cáo còn 02 người con còn nhỏ. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo Lê Chí L2 nói lời sau cùng: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho vợ chồng bị cáo được giảm nhẹ hình phạt, bị cáo xin hứa sẽ trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình và xã hội.

- Bị cáo Lê Minh H nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo N nói lời sau cùng: Bị cáo thay mặt hai vợ chồng xin lỗi phía bị hại, về số tiền còn lại bị cáo xin hứa sẽ cố gắng khắc phục hết cho bị hại. Kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Thùy L3 nói lời sau cùng: Bị cáo không hiểu biết về pháp luật nên mới xảy ra tình cảnh như hôm nay, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo.

- Bị cáo Đ1 nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về chăm sóc gia đình, bị cáo cũng xin lỗi phía bị hại về hành vi của các bị cáo đã gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo và xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28, 29 và 30 tháng 8 năm 2024, các bị cáo Lê Văn C, Lê Minh H, Lê Chí L2, Đặng Thị Đ1, Nguyễn Thị Hoàng L4, Nguyễn Thị N kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, nộp trong hạn luật định nên đủ điều kiện thụ lý, xét xử theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo: 08 bị cáo trong vụ án đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, có đủ căn cứ để kết luận:

[2.1] Vào ngày 21/5/2023, các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn C, Lê Minh H, Lê Chí L2 và Phạm Văn G đã có hành vi trộm cắp tài sản gồm vàng và tiền

tại tiệm V2, ở ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (do ông Phạm Minh Đ2 làm chủ) với tổng giá trị tài sản là 5.206.845.039 đồng, gồm vàng định giá là 5.040.845.039 đồng và tiền là 166.000.000 đồng. Cả 05 bị cáo L, C, H, Chí L2, G trộm cắp tài sản không bàn bạc trước với Đặng Thị Đ1, Nguyễn Thùy L3 và Nguyễn Thị N nhưng sau khi trộm tài sản về thì Đ1, L3 và N đều biết vàng do trộm cắp mà có. Cả 03 nữ bị cáo đã cùng 05 bị cáo L, C, H, Chí L2, G gỡ mác vàng, bóc bỏ phiếu cầm đồ của khách hàng (nhằm xóa dấu vết tội phạm). 08 bị cáo tiến hành phân loại vàng, sau đó 05 bị cáo L, C, H, Chí L2, G đã dùng ghe biển của C chạy ra biển nấu vàng thành thỏi vàng và chia nhau đưa đi tiêu thụ, bán tiêu xài.

Số tài sản 08 bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, được chia và tiêu thụ cụ thể:

Bị cáo L cùng vợ là Nguyễn Thùy L3 được chia: Tiền 32.000.000 đồng, vàng được định giá 1.014.757.317 đồng;

Bị cáo C cùng vợ là Đặng Thị Đ1 được chia: Tiền 32.000.000 đồng, vàng được định giá 948.229.800 đồng;

Bị cáo Lê Chí L2 cùng vợ là N được chia: Tiền 32.000.000 đồng, vàng được định giá 1.044.660.897 đồng;

Bị cáo H được chia: Tiền 38.000.000 đồng, vàng được định giá là 996.917.381 đồng;

Bị cáo G được chia tiền: 32.000.000 đồng, vàng được định giá là 1.036.279.644 đồng.

[2.2] Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Hành vi phạm tội của 03 bị cáo (có kháng cáo) Lê Văn C, Lê Minh H, Lê Chí L2 có tính chất đặc biệt nghiêm trọng đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của 03 bị cáo Đặng Thị Đ1, Nguyễn Thùy L3, Nguyễn Thị N có tính chất rất nghiêm trọng, đã cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo Lê Văn C, Lê Minh H, Lê Chí L2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và kết án các bị cáo

Đặng Thị Đ1, Nguyễn Thị Hoàng L4, Nguyễn Thị N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Các bị cáo cũng đồng ý về tội danh và khung hình phạt, không có kháng cáo, kháng nghị về phần này.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3.1] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn C và bị cáo Đặng Thị Đ1.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Văn C và vợ là Đặng Thị Đ1 không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lê Văn C và vợ là Đặng Thị Đ1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại cấp sơ thẩm, bị cáo Lê Văn C, Đặng Thị Đ1 đã tự nguyện khắc phục số tiền 4.000.000 đồng.Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lê Văn C và vợ Đặng Thị Đ1 đã hoàn trả xong toàn bộ số tiền 145.746.620 đồng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn M1 và được ông M1 gửi đơn đề ngày 21/01/2025 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Bị cáo C có cậu ruột là Nguyễn Văn M3 là liệt sĩ; có ông ngoại bà ngoại là ông Nguyễn Văn Đ6 và bà Nguyễn Thị N3 tham gia cách mạng. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo C, Đ1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho các bị cáo.

[3.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Chí L2 và vợ là bị cáo Nguyễn Thị N.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Chí L2 và vợ là Nguyễn Thị N không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lê Chí L2 và vợ là Nguyễn Thị N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Chí L2 và bị cáo N. Bị cáo Chí L2 có cậu ruột là liệt sĩ; ông ngoại là Nguyễn Văn Đ6 và bà ngoại là Nguyễn Thị N3 tham gia cách mạng; đầu thú. Bị cáo N có ông ngoại là Hồ Văn H2 là thương binh hạng A, thương tật ¾. Xét đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ.

[3.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Minh H:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Minh H không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lê Minh Hoàng thành K1 khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại được 118.619.000 đồng và bị hại Đ2 cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H; bị cáo H có ngoại ông là Trương Văn Đ7 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhất và chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đày. Bản thân bị cáo H từng tham gia nghĩa vụ quân sự được tặng Giấy khen năm 2008. Xét đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ.

[3.4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thùy L3:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thùy L3 không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thùy L3 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo L3 cùng chồng là bị cáo L đã nộp xong các khoản tiền phải thi hành án (theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 103/GXN-CTHADS ngày 27/11/2024); bị cáo Thùy L3 có ông ngoại là Hồ Văn T12 được Huân chương kháng chiến Hạng ba; bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo Thùy L3. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Thùy L3.

[4] Như đã phân tích từ mục [2] đến mục [3.4], thấy rằng các tình tiết giảm nhẹ của tất cả các bị cáo nêu tại đơn kháng cáo và ý kiến tranh luận của luật sư bào chữa cho các bị cáo (H, C, Chí L2) đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá và áp dụng đầy đủ. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giá trị tài sản chiếm đoạt lớn, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo Lê Văn C 13 (mười ba) năm tù; bị cáo Lê Chí L2 12 (mười hai) năm tù; bị cáo Lê Minh H 12 (mười hai) năm tù; bị cáo Đặng Thị Đ1 09 (Chín) năm tù; bị cáo Nguyễn Thùy L3 09 (Chín) năm tù; bị cáo Nguyễn Thị N 08 (T6) năm tù là phù hợp quy định của pháp luật và đã thể hiện sự khoan hồng đối với các bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo có kháng cáo và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo C, H, L3. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với

các bị cáo Lê Văn C, Lê Chí L2, Lê Minh H, Đặng Thị Đ1, Nguyễn Thùy L3, Nguyễn Thị N.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với tài liệu, chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nhận định trên của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Lê Văn C, Lê Minh H, Lê Chí L2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thùy L3, Đặng Thị Đ1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 68/2024/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

1.1. Về tội danh và hình phạt:

- *Tuyên bố:* Các bị cáo Lê Văn C, Lê Chí L2, Lê Minh H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn C, Lê Chí L2, Lê Minh H.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn C 13 (mười ba) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày 31/8/2023.

Xử phạt: Bị cáo Lê Chí L2 12 (mười hai) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày 31/8/2023.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh H 12 (mười hai) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày 31/8/2023.

- *Tuyên bố:* Bị các bị cáo Đặng Thị Đ1, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thùy L3 phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Thị Đ1;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 323; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Thùy L3.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Đ1 09 (Chín) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày vào chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thùy L3 09 (Chín) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày vào chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 08 (T6) năm tù. Hình phạt tù được tính kể từ ngày vào chấp hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Văn C, Lê Minh H, Lê Chí L2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thùy L3, Đặng Thị Đ1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau; (Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau tống đạt cho bị cáo);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, NVK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa